TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST Ngày 04-9-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuần

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đào Xuân T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 21-5-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đào Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03-9-2013 tại Ủy ban nhân dân phường N quận Đ, thành phố Hải Phòng. Chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau và xúc phạm nhau do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thiếu niềm tin vào nhau về kinh tế và tình cảm. Ngoài ra anh T thường ham mê cờ bạc, vay mượn tiền của nhiều người, thậm chí vay nợ lãi cao để chơi cờ bạc. Vì gia đình, vì các con, chị

đã trả nợ cho anh T nhiều lần, khuyên giải anh T nhưng anh T không thay đổi được phong cách sống, vẫn giấu chị tiếp tục chơi bời, bài bạc, nợ nần nhiều hơn, nhiều người đến đòi nợ gia đình chị làm xáo trộn cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và con cái. Nhiều năm nay anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, một mình chị phải lo toan về kinh tế cho sinh hoạt gia đình, cuộc sống của chị luôn nặng nề mệt mỏi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, chị không còn niềm tin đối với anh T nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 5-2021 đến nay, chị và anh T đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay, chị thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đào Xuân Phúc K, sinh ngày 03-11-2013 và Đào A, sinh ngày 24-10-2017. Từ khi chị và anh T sống ly thân với nhau, cháu K và cháu A đều ở với chị, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị làm nghề Nail, có thu nhập 15.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con nên chị nhận nuôi cả hai con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 15-5-2023, bị đơn là anh Đào Xuân T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận tất cả nội dung mà chị P đã trình bày về cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng. Do vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau và cũng đã được hai bên gia đình đã tác động, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại anh và chị P đang sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị P đề nghị ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là Đào Xuân Phúc K, sinh ngày 03-11-2013 và Đào A, sinh ngày 24-10-2017. Từ khi anh và chị P sống ly thân với nhau, cháu K và cháu A ở với chị P, cuộc sống của các cháu ổn định. Hiện nay, do công việc của anh chưa ổn định, thường phải đi làm xa nên anh đồng ý để chị P nuôi cả 02 con chung. Hàng tháng, anh sẽ có trách nhiệm về kinh tế với chị P để nuôi con ăn, học nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh sẽ tự thỏa thuận với chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Chị P và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013. Từ khoảng đầu năm 2021, cuộc sống hôn nhân của chị P và anh T không còn hòa hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau. Từ khoảng tháng 05-2021 đến nay, chị P và anh T đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Hiện tại, cháu K và cháu A đều đang được chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; cháu K có nguyện vọng được tiếp tục được ăn ở cùng chị P sau khi chị P và anh T ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P đối với anh Đào Xuân T; giao con chung Đào Xuân Phúc K và Đào A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung; bị đơn là anh Đào Xuân T, cư trú tại: Tổ dân phố 9, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị P và anh Đào Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 03-9-2013. Do vậy, Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ đầu năm 2021 đến nay, chị P và anh T không có sự chia sẻ và tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống chung không còn hoà thuận, hạnh phúc. Từ khoảng tháng 5-2021 đến nay, chị P và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt, mặc dù đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị P và anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt dược, vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Đào Xuân T có 02 con chung tên là Đào Xuân Phúc K, sinh ngày 03-11-2013 và Đào A, sinh ngày 24-10-2017. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị P và anh T sống ly thân, cháu K và cháu A chung sống ổn định cùng chị P và đều được chăm sóc chu đáo; chị P có thu nhập ổn định

đảm bảo điều kiện để nuôi dạy các con. Cháu K có nguyện vọng được ở với chị P. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu K và cháu A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của đương sự, đúng với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Đào Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đào Xuân T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cả hai con chung Đào Xuân Phúc K, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2013 và Đào A, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 (*Mười tám*) tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002705 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hải Phòng. Chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân Nhuần **Lê Thị Mai Hương** **Bùi Xuân Vinh**